TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Tiếp
Bà Nguyễn Thị Thưởng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: X, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Phòng X, Tòa nhà TC1, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: X, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Thanh Hóa vào ngày 02/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình bên nội tại phường N, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014. Ly hôn nguyện vọng của anh C là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu cả hai con có nguyện vọng ở với mẹ thì anh C cũng đồng ý và anh cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ/tháng/cháu, cả hai cháu là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh C chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với quan điểm của anh C về thời gian điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đến năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân, anh C ở cùng với mẹ, còn chị và các con vẫn ở nhà cũ. Nay anh C ly hôn chị xét thấy nguyên nhân ly hôn không phải do chị, mặc dù chị không còn tình cảm gì với anh C nhưng anh C là nguyên đơn khởi kiện ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014. Ly hôn chị đề nghị giao cả hai con cho anh C nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh C chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2025, cháu Nguyễn Xuân T1 và Nguyễn Tường Kim T2 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Về hôn nhân: anh chị kết hôn hợp pháp và cùng chung sống với gia đình bên chồng đến năm 2020 do mâu thuẫn nên anh C đã cùng mẹ để chuyển đi nơi khác sinh sống, còn chị Thanh và các con vẫn ở lại tại nhà mẹ đẻ anh C. Anh C khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014. Anh chị ly hôn việc giao nuôi con cho ai nuôi dưỡng đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết nhằm bảo đảm quyền lợi cho các cháu. Anh C là lao động tự do, thu nhập bình quân tại địa phương 300.000đ/ngày. Về tài sản, công nợ: chính quyền địa phương không nắm bắt được nên không cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý ly hôn và đề nghị giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của anh Nguyễn Văn C xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014. Ly hôn giao cả hai con cho anh C nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và bị đơn chị Nguyễn Thị T là Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại phường H, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm. Tại các buổi hòa giải, tuy chị T không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên nhân không phải từ chị nhưng chị T cũng không níu kéo anh C. Anh C cương quyết xin ly hôn vì vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân, anh không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với chị T. Việc anh C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân anh chị tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp.

* *Về con:* Anh Chiến và chị Thanh có 02 con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014. Tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2025 chị T tự nguyện đồng ý giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có nơi ở ổn định, có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Mặc dù các cháu có nguyện vọng ở với mẹ nhưng việc giao con cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự và điều kiện thực tế. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cả cháu Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tường Kim T2 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Tường Kim T2, sinh ngày 11/4/2014 là con chung của anh C, chị T. Giao 02 cháu Nguyễn Xuân T1 và Nguyễn Tường Kim T2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BLTU/25E/0001758 ngày 17/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Thanh Hóa. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1- Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Liên